| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/9/2024
*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Lợi.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hồng Khanh

Ông Hoàng Năng Long

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa*: Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2024/TLST−HNGĐ ngày 24/7/2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại : Số A P, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk

*Bị đơn:* Ông Trần Minh T1, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Đinh Thị T trình bày:*

Tôi và ông Trần Minh T1 là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2007 tại UBND xã E, huyện K (nay là huyện C). Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại thôn D, xã E, huyện C hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và xô xát lẫn nhau. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với ông Trần Minh T1 nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Đinh Đăng S, sinh ngày 31/3/2009 và cháu Trần Đinh Đăng H, sinh ngày

10/01/2012. Hiện các cháu đang ở cùng ông T1. Nếu Toà án giải quyết ly hôn tôi có nguyện vọng được giao cả 02 cháu cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Trần Minh T1:* Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 đều cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc. Do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Trần Minh T1.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do đề nghị HĐXX xử vắng mặt ông Trần Minh T1.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Minh T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Đinh Đăng S, sinh ngày 31/3/2009 và cháu Trần Đinh Đăng H, sinh ngày 10/01/2012 cho ông Trần Minh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T1 có nơi cư trú tại thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh T1 đều không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Thị T và ông Trần Minh T1 là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 25/5/2007 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà T nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường hay cãi vã, xô xát lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm với ông T1 nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T1.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Vợ chồng bà Đinh Thị T và ông Trần Minh T1 kết hôn và chồng chung sống không hoà thuận, thường xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ban tự quản thôn không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổ chức hoà giải đoàn tụ cho bà Đinh Thị T và ông Trần Minh T1 nhưng ông T1 cố tình vắng mặt nên không hoà giải được. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà T, ông T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Minh T1.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 02 con chung là cháu Trần Đinh Đăng S, sinh ngày 31/3/2009 và cháu Trần Đinh Đăng H, sinh ngày 10/01/2012. Hiện các cháu đang ở cùng ông T1, bà T có nguyện vọng được giao 02 cháu cho ông T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Về phía cháu Trần Đinh Đăng S và cháu Trần Đinh Đăng H đều có nguyện vọng muốn được ở cùng bố (ông T1). Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận, giao 02 cháu S và cháu H cho ông Trần Minh T1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Minh T1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đinh Đăng S, sinh ngày 31/3/2009 và cháu Trần Đinh Đăng H, sinh ngày 10/01/2012 cho ông Trần Minh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Đinh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0006651 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C
- Các đương sự;
- UBND xã E
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**